

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS - ST

Ngày 23 - 8 - 2023.

V/v "*Tranh chấp nợ biếu*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Bá.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thanh Dung
2. Bà Nguyễn Thị K Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Tư Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp nợ biếu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn HA, xã TG, huyện NT, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn:

Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1982.

Bà Trần Thị K, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: thôn ĐA, xã TG, huyện NT, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023; bản tự khai ngày 12/4/2023 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Vào tháng 6 năm 2022 bà Nguyễn Thị Hồng D có tham gia biếu do vợ chồng ông Trần Văn Ch và bà Trần Thị K làm chủ. Đến cuối năm 2022 thì mãn thời gian biếu nhưng ông Ch, bà K không thanh toán tiền biếu cho bà D. Bà D đã nhiều lần yêu cầu ông Ch, bà K phải có nghĩa vụ trả nợ biếu nhưng ông Ch, bà K cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả nợ. Do bà D nhiều lần đòi nợ nên ngày 10/02/2023 (âm lịch) tức ngày 31/3/2023 ông Ch, bà K viết giấy thừa nhận còn nợ tiền biếu của bà D với số tiền là 746.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi nợ không có kết quả, bà D khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án buộc ông Ch, bà K phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ biếu là 746.000.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Tại văn bản tự khai ngày 13/4/2023, Bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K trình bày: Vào năm 2022 vợ chồng ông Ch, bà K có cho bà Nguyễn Thị Hồng D tham gia biếu do ông Ch, bà K làm chủ. Đến khi bà D hết thời gian góp biếu thì vợ chồng ông Ch, bà K

đã trả được 300.000.000 đồng. Hiện tại, ông Ch, bà K còn nợ lại bà D số tiền là 746.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 75%, còn lại là tiền lãi. Trong quá trình tham gia biên bà D đã hưởng tiền lãi số tiền khoảng 167.500.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng ông Ch, bà K thừa nhận còn nợ lại số tiền gốc là 579.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 167.000.000 đồng nhưng số tiền lãi mà bà D hưởng là quá cao so với quy định pháp luật nên ông Ch, bà K chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc 579.000.000 đồng, còn nợ lãi thì đề nghị được trả theo lãi suất nhà nước quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải trả số tiền nợ biên theo “*Giấy nợ tiền biên*” lập ngày 10/02/2023 (âm lịch). Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp nợ biên*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K có địa chỉ cư trú tại thôn Đông An, xã Tam Giang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[1.3] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K nhưng đây là lần triệu tập thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch, bà K.

[2] Nội dung tranh chấp: Tháng 6 năm 2022 bà Nguyễn Thị Hồng D tham gia biên do vợ chồng Trần Văn Ch và bà Trần Thị K làm chủ. Đến hết thời hạn biên thì ông Ch, bà K vẫn không trả tiền nợ. Sau nhiều lần đòi nợ, ngày 10/02/2023 (âm lịch) tức ngày 31/3/2023, ông Ch, bà K viết giấy thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền là 746.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án buộc ông Ch, bà K phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ biên là 746.000.000 đồng. Ông Ch, bà K thừa nhận bà Nguyễn Thị Hồng D có tham gia biên do ông Ch, bà K làm chủ. Trong quá trình tham gia biên bà D đã hưởng tiền lãi là 167.500.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông Ch, bà K thừa nhận còn nợ lại số tiền gốc là 579.000.000, nợ tiền lãi là 167.000.000 đồng nhưng số tiền lãi mà bà D hưởng là quá cao so với quy định pháp luật nên ông Ch, bà K đồng ý trả tiền nợ gốc 579.000.000 đồng, nợ lãi thì đề nghị trả theo lãi suất nhà nước quy định.

[3] Xét quan hệ giao dịch biên giữa bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K thì các bên đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để xác định số người, thời gian, số tiền, thể thức góp, lĩnh biên, quyền, nghĩa vụ của các thành viên cùng tham gia giao dịch. Tuy nhiên, căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự và “*Giấy nợ tiền biên*” do ông Ch, bà K ký xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền biên là 746.000.000 đồng là đã xác định được giữa các bên có giao dịch về biên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, nội dung xác nhận “*Giấy nợ tiền biên*” không ghi rõ số tiền nợ là gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu; bà D không thừa nhận số tiền lãi mà bị đơn khai nhận mà chỉ khẳng định số tiền ông Ch, bà K nợ mình là số tiền nợ gốc. Do đó, không có căn để xác định lãi suất khi các bên giao dịch biên là bao nhiêu để đối chiếu với

quy định của pháp luật nhằm xem xét ý kiến của bị đơn về lãi suất trong giao dịch biểu giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D buộc bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải có nghĩa vụ trả số tiền là 746.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng D.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 33.840.000 đồng {20.000.000 đồng + 4% (346.000.000 đồng)}. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.920.000 đồng theo biên lai thu số 0011677 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D về việc buộc bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả nợ biểu.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 746.000.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.840.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, tám trăm bốn chục nghìn đồng*).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.920.000 đồng theo biên lai thu số 0011677 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2023). Bị đơn ông Trần Văn Ch, bà Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được Tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Núi Thành
- Các đương sự
- Thi hành án.
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Công Bá